TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 17-9-2018
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm: 1973
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm: 1972
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 1996 và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ký ngày 16 tháng 12 năm 1996

Sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Trần Văn S thường xuyên say xỉn, đánh đập vợ con nhiều lần. công an xã nhiều lần gọi anh Trần Văn S lên trụ sở làm việc, răn đe nên anh Trần Văn S sợ hãi và bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2006 cho đến nay. Sau khi anh Trần Văn S bỏ đi chị đã nhiều lần tìm kiếm anh Trần Văn S nhưng không có kết quả nên chị đã làm đơn gửi Tòa án. Ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ban hành quyết định số 01/2018 tuyên bố anh Trần Văn S mất tích. Chị và anh Trần Văn S không còn tình cảm với nhau, anh Trần Văn S không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn S.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trần Văn S có 04 con chung tên là Trần Thị Tuyết Nh sinh năm 1997, Trần Văn Th sinh năm 2001, Trần Thị Mỹ Nh sinh năm 2003 và Trần Thị Thu H sinh năm 2006. Sau khi giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ Nh và cháu Trần Thị Thu H; không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Trần Thị Tuyết Nh và cháu Trần Văn Th đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản photo); Giấy khai sinh đứng tên Trần Thị Tuyết Nh, Trần Văn Th, Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H (bản photo); Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2018 của nguyên đơn Phạm Thị D; Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H; Bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Trần Thị Tuyết Nh; Bản tự khai ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Trần Văn Th; biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 04 tháng 6 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn S (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16 tháng 12 năm 1996. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Văn S là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Phạm Thị D khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh Trần Văn S thường xuyên say xỉn, đánh đập vợ con. Đến năm 2006 anh Trần Văn S bỏ nhà đi liên tục cho đến nay. Ngày 11 tháng 5 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ban hành quyết định số 01/2018 tuyên bố anh Trần Văn S mất tích. Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"*. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Phạm Thị D.

[4] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị D khai nhận vợ chồng có 04 con chung tên là Trần Thị Tuyết Nh sinh ngày 16-12-1997, Trần Văn Th sinh ngày 04-3-2001, Trần Thị Mỹ Nh sinh ngày 15-8-2003 và Trần Thị Thu H sinh ngày 02-8-2006. Lời khai của chị Phạm Thị D và anh Trần Văn S phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Trần Thị Tuyết Nh, Trần Văn Th, Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng"* nên có đủ cơ sở xác định Trần Thị Tuyết Nh, Trần Văn Th, Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H sinh là con chung của chị Phạm Thị D và anh Trần Văn S.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Chị Phạm Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H. Xét, từ năm 2006 cho đến nay anh Trần Văn S bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì, anh Trần Văn S không chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị Phạm Thị D tự bản thân nuôi dưỡng hai cháu. Bên cạnh đó, cháu Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (bút lục số 23; 25). Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Trần Thị Mỹ Nh và Trần Thị Thu H cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thị Tuyết Nh sinh ngày 16-12-1997 và Trần Văn Th sinh ngày 04-3-2001 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị D không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn S và chị Phạm Thị D không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh Trần Văn S và chị Phạm Thị D không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Phạm Thị D phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị D đối với anh Trần Văn S

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ Nh sinh ngày 15-8-2003 và cháu Trần Thị Thu H sinh ngày 02-8-2006 cho chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thị Tuyết Nh sinh ngày 16-12-1997 và Trần Văn Th sinh ngày 04-3-2001 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn S, chị Phạm Thị D không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Trần Văn S, chị Phạm Thị D không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị D phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022082 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-9-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS h.Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh